

Bản án số: 97/2020/HS-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất

Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST- HS ngày 30/6/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không

- Nơi cư trú: Số nhà A, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con có 01 con sinh năm 2016. Tiền án: Không.

- Tiền sự: Tại quyết định số 29/2018/QĐ- TA ngày 24/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố B quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 01/4/2020, tạm giam từ ngày 07/4/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 134, đường H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Lê Quang T, sinh năm 1992(vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X đường bờ đê C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958(có mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1991 trú tại Số nhà A, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Đức H, sinh năm 1992, trú tại số nhà 134, đường H, phường Đ, thành phố B có mối quan hệ bạn bè quen biết từ trước. Khoảng 08 giờ ngày 26/3/2020, Đ gọi điện cho H hỏi mượn xe máy để làm phương tiện đi xin việc làm, H đồng ý và bảo Đ đến quán cắt tóc của Huy ở phường T, thành phố B để lấy xe. Đ bắt taxi mang theo một bộ hồ sơ xin việc đến quán cắt tóc của H. Tại đây, Đức được H cho mượn chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 29M1-144.92. Theo Đ khai sau khi mượn được xe, Đ đi xe mô tô đi lên khu vực gần Trạm đăng kiểm, phường X, thành phố B và rẽ vào một Công ty Hàn Quốc (Đ không nhớ tên công ty) để xin việc. Lúc này trong công ty đang có nhiều người đợi đến lượt phỏng vấn xin việc nên Đ cũng vào ngồi chờ đến lượt được phỏng vấn. Đ ngồi đợi đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì lái xe đi mua chai nước. Khi đi trên đường, Đ gặp một nam thanh niên tên H (Đ quen biết từ trước) cùng với hai nam thanh niên nữa mà Đ không quen biết. H đi xe máy đến đỗ trước xe máy của Đ đòi Đ số tiền 10.000.000 đồng mà Đ vay trước đó. Đ bảo H là cho nợ thêm mấy hôm rồi trả nhưng H không đồng ý. Lúc này, Đ nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô mượn của H để trả tiền cho H và lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đ gọi điện thoại cho anh Lê Quang T, sinh năm 1992 trú tại số nhà 321, đường bờ đê C, phường L, thành phố B là người quen biết từ trước nói muốn bán xe máy, anh T bảo mang xe đến xem trước. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 26/3/2020, Đức đi xe mô tô biển kiểm soát 29M1-144.92 đến nhà anh T. Tại đây, Đức kiểm tra cốp xe có đăng ký xe và một số giấy tờ cá nhân của anh H. Đức thỏa thuận bán chiếc xe cho anh T với giá là 12.000.000 đồng. Đức viết giấy bán xe và lấy đăng ký xe đưa cho anh T, còn các giấy tờ cá nhân của anh H thì Đức giữ lại. Do lúc đó anh T không có đủ tiền nên đưa trước cho Đ 10.000.000 đồng và hẹn Đ ngày hôm sau 27/3/2020 đưa nốt tiền còn lại. Sau khi nhận được tiền, Đ khai trả nợ cho H 10.000.000 đồng. Ngày hôm sau, Đ đến gặp anh T lấy nốt số tiền 2.000.000 đồng còn lại và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi biết bị chiếm đoạt tài sản, anh Nguyễn Đức H đã trình báo Công an thành phố B.

Ngày 01/04/2020, Nguyễn Anh Đ đã đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen đã qua sử dụng có số imei: 358246096771032.

Ngày 01/04/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Anh Đ, thu giữ: 01 ví giả da màu nâu bên trong đựng: 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ATM ngân hàng Shinhan Bank, tất cả đều mang tên Nguyễn Đức H và 01 chùm chìa khóa bằng kim loại.

Cùng ngày 01/4/2020, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của anh Lê Quang T đồ vật tài liệu gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 29M1-144.92, xe không có gương chiếu hậu, không có giỏ xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe số 015537 của chiếc xe biển kiểm soát 29M1-144.92; 01 giấy bán xe do Nguyễn Anh Đ viết tay.

Tại kết luận định giá số 236/KL- HĐĐG ngày 03/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 29M1-144.92, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 12.000.000 đồng .

Ngày 06/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Nguyễn Đức H tài sản bị chiếm đoạt, đến nay anh H không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với người thanh niên tên H, Đ khai chỉ biết tên là H nhà ở xã T, L, Bắc Giang, sinh năm 1989 hoặc 1990, không biết địa chỉ cụ thể của H. Cơ quan điều tra đã xác minh tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng không xác định được đối tượng nào tên H có đặc điểm nêu trên.

Đối với việc anh Lê Quang T có hành vi mua chiếc xe mà Đ đem bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên anh T không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị C là mẹ của Nguyễn Anh Đ đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 12.000.000 đồng. Đến nay, anh T không yêu cầu bồi thường dân sự.

Bản cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen đã qua sử dụng có số imei: 358246096771032 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 26/3/2020, tại quán cắt tóc của anh Nguyễn Đức H ở phường T, thành phố B, Nguyễn Anh Đ đã mượn chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 29M1-144.92, có trị giá 12.000.000 đồng của anh H để làm phương tiện đi xin việc làm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Anh Đ đã đem bán chiếc xe cho anh Lê Quang T lấy số tiền 12.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật

hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người quản lý tài sản hợp pháp, được pháp luật bảo vệ giao tài sản cho bị cáo, sau đó bị cáo đem tài sản đi bán để lấy tiền chi tiêu cá nhân, gây mất ổn định về trật tự an ninh tại địa phương, làm giảm niềm tin trong nhân dân, gây nên tâm lý lo lắng của người dân trong việc quản lý tài sản, vì thế hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4]. Đánh giá về nhân thân, thái độ và mức độ phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2018 đã bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng, bị cáo không xem đây là bài học của bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để có tác dụng giáo dục riêng bị cáo, vừa có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Anh Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục hậu quả và ra đầu thú trước pháp luật, bản thân bị cáo có thời gian phục trong quân đội đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về phần trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Nguyễn Đức H vắng mặt phiên tòa, trong quá trình điều tra vụ án khai tài sản của anh là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 29M1-144.92; 01 đăng ký xe và 01 ví giả da màu nâu bên trong đựng: 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ATM ngân hàng Shinhan Bank, đều mang tên Nguyễn Đức H và 01 chùm chìa khóa bằng kim loại đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho anh H, nay anh không có yêu gì về phần dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang T vắng mặt phiên tòa, tại cơ quan điều tra vụ án khai ngày 26/3/2020 anh có mua chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 29M1-144.92 của Nguyễn Anh Đ với số tiền 12.000.000 đồng, khi mua xe anh không biết đó là tài sản do Đức phạm tội mà có. Anh đã giao nộp lại xe cùng giấy đăng ký xe cho cơ quan điều tra để giải quyết

theo quy định của pháp luật. Nay anh T được bà Nguyễn Thị C là mẹ của Đ trả lại số tiền 12.000.000 đồng, anh không có yêu gì về phần dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa khai bà không biết Nguyễn Anh Đ thực hiện hành vi phạm tội, ngày 25/5/2020 bà đã trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 12.000.000 đồng, nay bà C không có yêu cầu gì về số tiền này và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Đ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về phần dân sự đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9]. Đối với người thanh niên tên H, Đ khai chỉ biết tên là H nhà ở xã T, L, Bắc Giang, không biết năm sinh, địa chỉ cụ thể của H. Cơ quan điều tra đã xác minh tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng không xác định được đối tượng nào tên Hiếu có đặc điểm nêu trên, nên không có căn cứ để giải quyết.

[10]. Về Vật chứng trong vụ án là 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen đã qua sử dụng có số imei: 358246096771032 của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Anh Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

- Vật chứng của vụ án: Trả lại bị cáo 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen đã qua sử dụng có số imei: 358246096771032 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Bị cáo Nguyễn Anh Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú